

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77, Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Đức Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Ủy viên
Ông Vũ Phi Hồ	Ủy viên
Ông Võ Xuân Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Sỹ Hải	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Đức Long	Tổng Giám đốc
Ông Võ Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 16, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Đức Long

Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2011



Member of Kreston International

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính:

P. 1501, Tầng 15, Toà nhà 17T-1

Trung Hoà - Nhân Chính, Hà Nội

Tel: (84 4) 6 2811 488

Fax: (84 4) 6 2811 499

E-mail: acagroup@viettel.vn

www.acagroup.com.vn

Số. 45.10/BCKT 2011/ACA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 16. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106 /KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ ANSố 77, Đường Lê Lợi
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		11.932.988.911	20.895.710.807
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.659.673.856	3.977.015.853
1. Tiền	111	5	2.590.729.858	3.977.015.853
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	8.068.943.998	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	15.927.845.324
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	15.927.845.324
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.273.315.055	789.909.144
2. Trả trước cho người bán	132		1.144.934.480	789.909.144
5. Các khoản phải thu khác	135		128.380.575	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	200.940.486
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	200.940.486
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+260)	200		37.842.816.728	17.142.669.142
II. Tài sản cố định	220		37.806.661.863	16.773.170.463
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	7.037.443.322	8.300.854.392
- Nguyên giá	222		27.042.189.309	25.537.062.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.004.745.987)	(17.236.207.853)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	47.377.083	16.236.111
- Nguyên giá	228		69.559.000	16.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.181.917)	(463.889)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	30.721.841.458	8.456.079.960
V. Tài sản dài hạn khác	260		36.154.865	369.498.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	36.154.865	369.498.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		49.775.805.639	38.038.379.949

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		6.402.328.829	4.818.027.305
I. Nợ ngắn hạn	310		6.080.012.129	4.588.857.405
2. Phải trả người bán	312		257.486.400	255.390.360
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.479.554.954	1.217.779.058
5. Phải trả người lao động	315		713.113.014	1.303.675.269
6. Chi phí phải trả	316	12	712.691.500	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.906.045.732	1.448.090.993
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.011.120.529	363.921.725
II. Nợ dài hạn	330		322.316.700	229.169.900
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		322.316.700	229.169.900
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		43.373.476.810	33.220.352.644
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	43.373.476.810	33.220.352.644
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.384.600.000	1.384.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.969.144.190	2.969.144.190
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.317.496.402	2.569.569.322
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		944.969.067	610.005.925
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	26.874.134
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.757.267.151	9.660.159.073
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		49.775.805.639	38.038.379.949



Hoàng Đức Long
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2011

Trần Minh Thành
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	30.587.672.098	25.268.800.145
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		30.587.672.098	25.268.800.145
4. Giá vốn hàng bán	11	16	10.038.674.764	9.214.948.592
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.548.997.334	16.053.851.553
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.167.071.747	1.695.171.486
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.637.340.736	5.741.584.670
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		15.078.728.345	12.007.438.369
11. Thu nhập khác	31		85.619.207	228.658.154
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		85.619.207	228.658.154
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.164.347.552	12.236.096.523
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	1.895.543.444	1.070.658.446
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.268.804.108	11.165.438.077
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	8.293	7.322



Hoàng Đức Long
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2011

Trần Minh Thành
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77, Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.164.347.552	12.236.096.523
2. Điều chỉnh các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.790.256.162	3.012.516.159
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.167.071.747)	(228.658.154)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.787.531.967	15.019.954.528
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(483.405.911)	(989.036.430)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		586.934.834	(1.729.420.174)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		333.343.814	(206.552.660)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.638.522.358)	(434.597.292)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		141.619.207	445.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(264.283.185)	(277.963.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.463.218.368	11.827.984.472
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.553.614.071)	(9.239.409.028)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	228.658.154
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.727.845.324)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.927.845.324	-
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.085.208.382	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.540.560.365)	(11.738.596.198)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.200.000.000
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.240.000.000)	(1.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.240.000.000)	2.600.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		6.682.658.003	2.689.388.274
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.977.015.853	1.287.627.579
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		10.659.673.856	3.977.015.853

Hoàng Đức Long
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2011

Trần Minh Thành
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77, Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MAU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 7 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2900599622 ngày 30 tháng 7 năm 2004 và thay đổi lần 3 ngày 7 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 3) là 16.000.000.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, trông giữ ô tô; Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, ăn uống; Cho thuê văn phòng, ki ốt kinh doanh; Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, khách du lịch; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, vui chơi giải trí; Khai thác, chế biến, mua, bán khoáng sản.

Tổng số Cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là: 131 người (tại ngày 31/12/2009 là 133 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

2.2 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và theo hướng dẫn sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77, Đường Lê Lợi
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là các khoản chi phí chờ phân bổ, thời gian phân bổ dưới 1 năm, được phân bổ theo đường thẳng.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 04

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ ANSố 77, Đường Lê Lợi
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Website và hệ thống mạng lan*

Bao gồm toàn bộ chi phí để đưa Website và hệ thống mạng lan vào sử dụng. Website và hệ thống mạng lan được khấu hao trong vòng 03 năm.

4.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.8 Trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

4.9 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Trong năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo chính sách ưu đãi về thuế sau cổ phần hoá tại tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính (Công ty thuộc diện được hưởng ưu đãi theo hướng dẫn tại Điểm 1.3, Mục III, Phần E của Thông tư này).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	42.551.965	941.906.133
Tiền gửi Ngân hàng	2.548.177.893	3.035.109.720
Cộng	2.590.729.858	3.977.015.853

U.01
C
TRÁO
KIỂM
T
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77, Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (*)**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng VPBANK	3.668.943.998	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.400.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải	3.000.000.000	-
Cộng	8.068.943.998	-

(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng nêu trên.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 31/12/2009	22.223.766.429	2.678.077.148	635.218.668	25.537.062.245
Tăng trong năm	1.149.367.155	-	355.759.909	1.505.127.064
Mua trong năm	-	-	355.759.909	355.759.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.149.367.155	-	-	1.149.367.155
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	<u>23.373.133.584</u>	<u>2.678.077.148</u>	<u>990.978.577</u>	<u>27.042.189.309</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 31/12/2009	16.153.002.188	750.650.139	332.555.526	17.236.207.853
Tăng trong năm	2.134.947.024	446.346.191	187.244.919	2.768.538.134
Khấu hao trong năm	2.134.947.024	446.346.191	187.244.919	2.768.538.134
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	<u>18.287.949.212</u>	<u>1.196.996.330</u>	<u>519.800.445</u>	<u>20.004.745.987</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 31/12/2009	<u>6.070.764.241</u>	<u>1.927.427.009</u>	<u>302.663.142</u>	<u>8.300.854.392</u>
Tại 31/12/2010	<u>5.085.184.372</u>	<u>1.481.080.818</u>	<u>471.178.132</u>	<u>7.037.443.322</u>

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định đang sử dụng đã khấu hao hết tại 31/12/2010 là 10.448.100.470 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ ANSố 77, Đường Lê Lợi
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MAU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Website VND	Hệ thống mạng lan VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 31/12/2009	16.700.000	-	16.700.000
Tăng trong năm	-	52.859.000	52.859.000
Mua trong năm	-	52.859.000	52.859.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	16.700.000	52.859.000	69.559.000
GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 31/12/2009	463.889	-	463.889
Tăng trong năm	5.566.667	16.151.361	21.718.028
Khấu hao trong năm	5.566.667	16.151.361	21.718.028
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	6.030.556	16.151.361	22.181.917
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2009	16.236.111	-	16.236.111
Tại 31/12/2010	10.669.444	36.707.639	47.377.083

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Số dư đầu năm	8.456.079.960	345.375.497
Tăng trong năm	23.527.008.652	9.190.849.772
Chuyển sang Tài sản cố định	(1.137.250.455)	(878.725.491)
Chuyển sang chi phí	(123.996.699)	(201.419.818)
Số dư cuối năm	30.721.841.458	8.456.079.960

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	36.154.865	369.498.679
Cộng	36.154.865	369.498.679

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ ANSố 77, Đường Lê Lợi
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	56.600.369	160.298.668
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.268.782.545	1.011.761.459
Thuế thu nhập cá nhân	34.044.140	26.564.608
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	108.322.000	-
Phí và lệ phí khác	11.805.900	19.154.323
Cộng	1.479.554.954	1.217.779.058

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ (*)	712.691.500	-
Cộng	712.691.500	-

(*) Đây là khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn Bến xe Vinh vào năm 2011, với tổng dự toán 1.425.383.000 đồng. Trong năm, Công ty tiến hành trích trước 50% trên tổng dự toán vào chi phí.

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	-	1.407.485
Bảo hiểm xã hội	409.232	10.005.168
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	404.000.000	394.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.501.636.500	1.042.678.340
Cộng	1.906.045.732	1.448.090.993

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77, Đường Lê Lợi
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MÀU B 09 – DN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 31/12/2008	13.000.000.000	184.600.000	2.969.144.190	197.890.973	214.726.200	-	3.566.853.213	20.133.214.576
Tăng trong năm	3.000.000.000	1.200.000.000	-	2.371.678.349	395.279.725	225.874.134	11.328.824.276	18.521.656.484
Tăng vốn	3.000.000.000	1.200.000.000	-	-	-	-	-	4.200.000.000
Lãi	-	-	-	-	-	-	11.192.438.077	11.192.438.077
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.371.678.349	395.279.725	225.874.134	163.386.199	3.156.218.407
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	199.000.000	5.235.518.416	5.434.518.416
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	4.931.643.395	4.931.643.395
Giảm khác	-	-	-	-	-	199.000.000	303.875.021	502.875.021
Số dư tại 31/12/2009	16.000.000.000	1.384.600.000	2.969.144.190	2.569.569.322	610.005.925	26.874.134	9.660.159.073	33.220.352.644
Số dư tại 31/12/2009	16.000.000.000	1.384.600.000	2.969.144.190	2.569.569.322	610.005.925	26.874.134	9.660.159.073	33.220.352.644
Tăng trong năm	-	-	-	7.753.067.080	334.963.142	-	13.268.804.108	21.356.834.330
Lãi	-	-	-	-	-	-	13.268.804.108	13.268.804.108
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	7.753.067.080	334.963.142	-	-	8.088.030.222
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	26.874.134	11.171.696.030	11.203.710.164
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	5.140.000	-	-	11.165.438.077	11.165.438.077
Giảm khác	-	-	-	5.140.000	-	26.874.134	6.257.953	38.272.087
Số dư tại 31/12/2010	16.000.000.000	1.384.600.000	2.969.144.190	10.317.496.402	944.969.067	-	11.757.267.151	43.373.476.810

(*) Trong năm, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, ngày 24 tháng 4 năm 2010.

10/12/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77, Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**14.2 Chi tiết đầu tư của chủ sở hữu**

Nội dung	Đến ngày 31/12/2010			Trong đó	
	Tổng số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần thưởng	Số cổ phần ưu đãi
- Vốn góp của Nhà nước	636.750	6.367.500.000	40	636.750	-
- Vốn góp của Cổ đông khác	963.250	9.632.500.000	60	963.250	-
Cộng	1.600.000	16.000.000.000	100	1.600.000	-

Mệnh giá của cổ phiếu là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.587.672.098	25.268.800.145
Cộng	30.587.672.098	25.268.800.145

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.038.674.764	9.214.948.592
Cộng	10.038.674.764	9.214.948.592

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi Ngân hàng	1.167.071.747	1.695.171.486
Cộng	1.167.071.747	1.695.171.486

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77, Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	15.164.347.552	12.236.096.523
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.791.086.888	3.059.024.131
Giảm thuế TNDN (*)	(1.895.543.444)	(1.988.365.685)
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	1.895.543.444	1.070.658.446

(*) Như đã thuyết minh ở phần chính sách thuế, mục Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, trong năm 2010, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi về thuế sau cổ phần hoá với mức giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Năm 2009, ngoài chính sách ưu đãi về thuế sau cổ phần hoá, Công ty còn được giảm tiếp 30% Thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

19. CỔ PHIẾU VÀ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**19.1 Cổ phiếu**

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.600.000	1.600.000
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.600.000	1.600.000
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

19.2 Lãi cơ bản trên Cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	13.268.804.108	11.165.438.077
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	13.268.804.108	11.165.438.077
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.600.000	1.525.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.293	7.322

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77, Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***20. CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Giao dịch với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm phát sinh như sau:

Số TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối năm
1	Phải trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	391.200.000	316.000.000	294.00.000	413.200.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước(SCIC) hiện đang sở hữu 40% vốn của Công ty. Trong năm Công ty đã có các giao dịch sau với Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

Số TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối năm
1	Phải trả tiền cổ tức	636.750.000	891.450.000	500.000.000	1.028.200.000

21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 25 tháng 02 năm 2011, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận số 33/GCN-UBCK cho phép Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An được đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 3.400.000 cổ phiếu (Ba triệu bốn trăm nghìn cổ phiếu):
 - 1.600.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu;
 - 1.800.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông chiến lược;
4. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu): 34.000.000.000 đồng (Ba mươi tư tỷ đồng);
5. Thời gian phân phối: trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS).

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính. Trong đó một số số liệu đã được phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.



Hoàng Đức Long
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2011

Trần Minh Thành
Kế toán trưởng